

Biểu mẫu 18**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019-2020***(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	Quản lý hiệu quả dự án đầu tư phát triển đô thị theo hình thức đối tác công - tư ở Việt Nam.	Hoàng Anh Tuấn	PGS.TS. Lê Anh Dũng TS. Trần Văn Khôi	Đầu tư theo hình thức PPP là một nội dung mới đang được triển khai mạnh mẽ ở Việt Nam, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tiếp cận một cách rời rạc theo từng nội dung liên quan đến quản lý dự án PPP, chưa có nghiên cứu tiếp cận dựa trên mô hình tổng thể các mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động quản lý của các chủ thể gắn với các nội dung quản lý, đặc thù riêng của dự án và các yếu tố trụ cột tác động đến hiệu quả của dự án. Điểm mới thứ nhất là luận án hoàn thiện và làm rõ cơ sở lý luận, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, vận dụng kinh nghiệm quản lý của các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam về quản lý DADT theo hình thức PPP trong PTĐT (nhất là lĩnh vực HTKT đô thị) của các chủ thể chủ yếu gắn với các nội dung trụ cột, các yếu tố tác động chủ yếu đến hiệu quả dự án trong toàn bộ quá trình quản lý từ chuẩn bị, triển khai và bàn giao khai thác dự án nhằm bảo đảm dự án đạt được hiệu quả trong thực tiễn một cách bền vững. Luận án làm rõ được vai trò, nội dung quản lý và các nhân tố tác động chủ yếu đến hoạt động quản lý của các chủ thể trong khu vực nhà nước (ở TW và địa phương), nhà đầu tư tư nhân, DNDA nhằm đảm bảo dự án PPP trong PTĐT ở Việt Nam đạt hiệu quả. Bảo đảm không có cách hiểu chung chung về hoạt động quản lý PPP như thời gian qua. Điểm mới thứ hai là luận án đề xuất những vấn đề cốt lõi cần quan tâm giải quyết trong quá trình quản lý nhằm đảm bảo các DADT PTĐT theo hình thức PPP ở Việt Nam đạt hiệu quả trên cơ sở vận dụng cơ sở lý luận đã nghiên cứu hoàn thiện để đánh giá thực trạng thông

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					qua phân tích dữ liệu thứ cấp, kiểm chứng bằng phương pháp phỏng vấn các chuyên gia hiểu sâu về hoạt động quản lý, điều tra khảo sát bằng bảng hỏi các tổ chức, doanh nghiệp liên quan, đối chiếu với một số DAĐT PTĐT theo hình thức PPP cụ thể và vận dụng kinh nghiệm quản lý của các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Luận án xây dựng biểu mẫu điều tra, khảo sát với các nội dung quản lý trụ cột, yếu tố cốt lõi tác động đến hiệu quả dự án, tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý gắn với các chủ thể chủ yếu quản lý DAĐT PTĐT theo hình thức PPP ở Việt Nam. Điểm mới thứ ba là luận án đề xuất hệ thống giải pháp có tính khoa học, phù hợp thực tiễn và tính khả thi cao để có thể vận dụng, triển khai trong thực tiễn nhằm quản lý các DAĐT PTĐT theo hình thức PPP ở Việt Nam đảm bảo hiệu quả. Các giải pháp luận án đề xuất gắn với từng chủ thể quản lý chủ yếu và mối liên hệ giữa các chủ thể này, gắn với các nội dung chủ yếu trong từng giai đoạn và toàn bộ quá trình quản lý dự án, (các giải pháp được thiết kế theo hướng chỉ rõ nội dung của giải pháp, điều kiện để thực hiện giải pháp, cách thức thực hiện giải pháp, hiệu quả đạt được nếu thực hiện tốt giải pháp). Điểm mới thứ tư là luận án đề xuất xây dựng và hướng dẫn sử dụng khung logic về các nội dung chủ yếu, các yếu tố tác động, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý đối với toàn bộ quá trình chuẩn bị, triển khai, bàn giao khai thác DAĐT PTĐT theo hình thức PPP ở Việt Nam, giúp cho từng chủ thể hiểu rõ các vấn đề cốt lõi nhằm rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả quản lý trong thực tiễn.
2	Tiến sĩ	Quản lý quy hoạch thoát nước giảm thiểu ngập úng cho các đô thị vùng duyên hải Bắc bộ thích	Ngô Huy Thanh	PGS.TS. Mai Thị Liên Hương	<p>Luận án đã tổng quan, đưa ra các cơ sở khoa học về quản lý quy hoạch thoát nước nhằm giảm thiểu ngập úng cho các đô thị Vùng duyên hải Bắc Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu. Phân tích các đặc điểm về địa hình tự nhiên và tác động của biến đổi khí hậu từ đó làm sáng tỏ một số luận điểm sau:</p> <p>- Vùng Duyên hải Bắc Bộ là khu vực chịu ảnh hưởng rõ nét nhất về gia tăng lượng mưa (đứng đầu cả nước theo Kịch bản biến đổi khí hậu năm 2016), đây là nguyên nhân chính gây nên tình trạng ngập úng đô thị. Do đó đề xuất ứng dụng mô hình thoát nước bền vững cho khu vực này giúp giải quyết các tác động về mặt thủy văn do lượng mưa tăng cao.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		ứng với biến đổi khí hậu.			<p>- Phía Bắc Vùng duyên hải Bắc Bộ bao gồm các đô thị Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả và Hạ Long có địa hình dốc, tỷ lệ đất rừng lớn, thường xuất hiện lũ quét khi có mưa lớn. Đề xuất quản lý phát triển vùng đệm bảo vệ các đô thị ven biển, ven sông, đặc biệt hợp tác với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án bảo vệ và trồng mới hệ thống rừng đầu nguồn nhằm hạn chế khả năng lũ quét, sạt lở đất gây ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước các đô thị phía hạ lưu.</p> <p>- Phía Nam Vùng duyên hải Bắc Bộ bao gồm các đô thị Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Tam Điệp có địa hình thoải, tỷ lệ cây xanh, mặt nước (hồ điều hòa) lớn đảm nhiệm vai trò giữ và thấm nước khi có mưa, giúp giảm thiểu tình trạng ngập úng. Đề xuất quản lý và phát triển hệ thống hồ điều hòa trong vùng, các tiêu vùng và trong đô thị.</p> <p>Ngoài ra luận văn còn đưa ra một số nội dung liên quan tới biến đổi khí hậu cần được bổ sung lồng ghép trong quản lý quy hoạch thoát nước như: quy trình từ lập đến công bố quy hoạch quy hoạch thoát nước; GIS và ứng dụng vào quản lý quy hoạch; công tác tổ chức quản lý, sự tham gia của cộng đồng. Những nội dung đề xuất được xem là đóng góp mới bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất các giải pháp liên quan tới quản lý quy hoạch thoát nước nhằm giảm thiểu ngập úng thích ứng với biến đổi khí hậu: so với các nghiên cứu trước đây, luận án không chỉ nghiên cứu quản lý thoát nước tại quy mô từng đô thị riêng lẻ mà còn nghiên cứu với quy mô rộng, có tính kết nối như thoát nước theo vùng, lưu vực sông, trong đó có đề xuất thành lập “Ủy ban quản lý quy hoạch thoát nước, giảm thiểu ngập úng Vùng duyên hải Bắc Bộ” giúp nâng cao năng lực quản lý; Quản lý phát triển vùng đệm bảo vệ các đô thị ven biển, ven sông; Quản lý và phát triển hệ thống hồ điều hòa; Quản lý cao độ nền; Sử dụng các vật liệu xây dựng mới. 2. Ứng dụng, vận hành hệ thống GIS, lập bản đồ ngập úng: trên cơ sở đánh giá các ưu, nhược điểm một số công cụ mô phỏng được ứng dụng trong quản lý quy hoạch thoát nước và lựa chọn phần mềm, luận án sử dụng hệ thống thông tin địa lý - GIS lập bản đồ ngập úng có tính tới yếu tố biến đổi khí hậu cho TP Cẩm Phả

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>theo kịch bản biến đổi khí hậu (năm 2016) RPC 4.5 đến năm 2050. Từ đó xác định được tỉ lệ % ngập úng cho các phường xã. Dựa trên phương pháp chồng bản đồ nền địa hình và sơ đồ định hướng phát triển không gian, khẳng định lại việc phát triển đô thị lấn biển hướng ra phía Nam là hợp lý. Đề xuất nâng cao độ tối thiểu đối với khu vực lấn biển của TP Cẩm Phả từ +3,5m lên +3,9m nhằm giảm thiểu ngập úng một cách tối đa; Xây dựng cơ chế tổ chức, quản lý, chia sẻ thông tin dữ liệu GIS giữa các bên có liên quan.</p> <p>3. Bổ sung, hoàn thiện quy trình từ lập nhiệm vụ đến công bố quy hoạch cho đồ án quy hoạch thoát nước nhằm giảm thiểu ngập úng thích ứng với biến đổi khí hậu: trên cơ sở những đánh giá tổng quan, luận án đưa ra các vấn đề về lý thuyết và pháp lý liên quan tới quy trình lập đồ án quy hoạch thoát nước. Từ đó đưa ra đề xuất cụ thể mà ở đó đã lồng ghép nội dung của biến đổi khí hậu, xác định rõ thời gian và nhiệm vụ, chức năng cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện và trách nhiệm cơ quan thẩm định, trình phê duyệt.</p> <p>4. Cụ thể hóa giải pháp quản lý thoát nước mưa bền vững, lấy địa bàn nghiên cứu tại Khu đô thị mới phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả: trên cơ sở khoa học về mô hình thoát nước mưa bền vững, luận án đưa ra đề xuất bổ sung mô hình thoát nước bền vững theo mạng lưới đường và chức năng sử dụng đất dân dụng. Từ đó ứng dụng cụ thể các mô hình này cho Khu đô thị mới phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả như xây dựng và kiểm soát nước mưa ngay tại hộ gia đình, ứng dụng cho khu vực nhà ở liền kề, biệt thự, nhà cao tầng, nhà ở hỗn hợp, vườn hoa công cộng và khu vực hành lang xanh.</p>
3	Tiến sĩ	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc khu phố Pháp tại thành phố SAVANNA	KhamPho uphet Vanivong (LÀO)	PGS. TS. Nguyễn Vũ Phương TS. Lê Chiến Thắng	Với sự phát triển không ngừng của các đô thị theo hướng hiện đại đang làm mai một dần nguồn mạch và linh hồn văn hóa quan trọng. Trong bối cảnh đó, nội dung của luận án đã xác định được những giá trị cốt lõi của di sản kiến trúc, đô thị trong “Khu phố Pháp” (KPP) tại thành phố Savannakhet CHDCND Lào nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị đó trong tiến trình phát triển tiếp nối của thành phố Savannakhet, đó là những đóng góp mới quan trọng trong lĩnh vực

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		KHET CHDCND LÀO			<p>khoa học chuyên ngành. Thông tin về những đóng góp mới của luận án được tổng kết sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng hợp số liệu và thông tin về di sản kiến trúc, đô thị theo quá trình khảo cứu, khảo sát, phân loại dựa trên các tiêu chí về phong cách kiến trúc, xây dựng, công năng, thẩm mỹ, đánh giá tình trạng kỹ thuật, bảo tồn, chất lượng sử dụng, Kiểm kê để xác lập quỹ di sản kiến trúc, đô thị, từ đó rút ra đặc điểm và giá trị của di sản kiến trúc thời Pháp thuộc tại KPP Savannakhet. 2. Khẳng định mối liên hệ hữu cơ giữa bản sắc văn hóa với đặc điểm và giá trị di sản kiến trúc, đặc trưng đô thị của trung tâm đô thị lịch sử thành phố Savannakhet. Góp phần làm rõ các ứng xử khoa học về di sản kiến trúc và đô thị thời Pháp thuộc, coi di sản đó như là hợp thể tạo thị có sức sống không thể tách rời nhau giữa kiến trúc và đô thị để đề xuất ra những giải pháp về bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong phát triển đô thị hiện nay tại CHDC Lào. 4. Xây dựng cách tiếp cận và phương pháp luận nghiên cứu về bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc, đô thị theo hướng phát triển bền vững. Đề xuất hệ thống các tiêu chí - xác định giá trị và đánh giá giá trị tiềm năng thích ứng di sản kiến trúc và đô thị thời Pháp thuộc tại KPP Savannakhet. 5. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản khu phố Pháp Savannakhet từ cấp độ đô thị tới phạm vi một số loại hình kiến trúc điển hình. Kèm theo đó, luận án cũng đề xuất và kiến nghị một số giải pháp quản lý nhóm di sản này trong phát triển đô thị Savannakhet tới năm 2030. 6. Bổ sung những quan điểm, quan niệm mới hướng đến sự năng động, chủ động trong khai thác, vận hành và phát triển di sản (pháp lý hóa di sản, di sản “sinh lợi”, tiếp cận di sản chủ động, đối tác công-tư trong quản lý di sản...) để quản lý các công trình di sản kiến trúc, đô thị thuộc địa Pháp nói riêng và các công trình di sản kiến trúc đô thị nói chung đáp ứng sự phát triển của thành phố Savannakhet. 7. Đề xuất mô hình về phát triển không gian trung tâm đô thị lịch sử và du lịch văn hóa theo hướng phát triển bền vững, thích ứng với các yếu tố tiềm năng của

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Tp Savannakhet, khai thác và phát triển di sản kiến trúc trong mối tương quan với đô thị và công tác quản lý đô thị phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Lào
4	Tiến sĩ	Nghiên cứu công nghệ xử lý triệt để nước thải sinh hoạt bằng bể lọc vật liệu lọc nổi tự rửa	Phạm Văn Dương	PGS.TS. Trần Thanh Sơn PGS.TS. Vũ Văn Hiếu	<p>1. Luận án đã chứng minh được khả năng ứng dụng bể lọc vật liệu lọc nổi tự rửa trong xử lý triệt để nước thải sinh hoạt sau xử lý bậc 2. Công trình bể lọc đóng vai trò như bể lọc nhanh (xử lý cơ học) và bể lọc sinh học (xử lý sinh học).</p> <p>2. Bằng các kết quả nghiên cứu thực nghiệm, luận án đã xác định được các thông số động học và công nghệ trong xử lý triệt để nước thải sinh hoạt sau xử lý bậc 2 gồm: Quá trình lọc cơ học: hệ số bứt phá cặn (a) và hệ số bám dính cặn (b) ứng với các vận tốc lọc 5 – 10 m/h. Quá trình lọc sinh học: hệ số tốc độ phản ứng phân hủy bậc một ứng với các chỉ tiêu cơ bản: $k_{BOD} = 0,08$; $k_{COD} = 0,075$; $k_{NH_4^+} = 0,082$; $k_{TN} = 0,042$.</p> <p>3. Xây dựng được phương pháp tính toán thiết kế công trình bể lọc vật liệu lọc nổi tự rửa ứng dụng trong xử lý triệt để nước thải sinh hoạt sau xử lý bậc 2.</p>
5	Tiến sĩ	Quản lý cấp nước các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu	Châu Thanh Hùng	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Dung	<p><i>Một là</i>, xác định 05 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý cấp nước đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu, gồm nhóm yếu tố khách quan và nhóm yếu tố chủ quan.</p> <p><i>a) Nhóm yếu tố khách quan:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng về điều kiện tự nhiên; - Ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và tăng dân số đô thị; - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến quản lý cấp nước đô thị; <p><i>b) Nhóm yếu tố chủ quan:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hạn chế về cơ chế chính sách và pháp luật; - Tồn tại, bất cập trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước. <p><i>Hai là</i>, đề xuất 08 quan điểm và 05 mục tiêu quản lý cấp nước an toàn cho các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p><i>a) 08 quan điểm:</i></p> <p>1. Quản lý cấp nước đô thị phục vụ mục tiêu cấp nước an toàn, đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước sạch cho các đô thị tỉnh Bình Thuận.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>2. Quản lý cấp nước đô thị tỉnh Bình Thuận là quá trình chịu sự kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.</p> <p>3. Cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Bình Thuận quản lý hoạt động cấp nước đô thị, tạo lập môi trường, định hướng, điều tiết, tổ chức, thúc đẩy sự phát triển cấp nước bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất; trong đó, pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng.</p> <p>4. Tỉnh Bình Thuận cần tạo cơ chế, chính sách thông thoáng và có những thay đổi phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch nhằm huy động, thu hút và khai thác tối đa mọi nguồn lực, thành phần kinh tế đặc biệt là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển, quản lý vận hành và bảo vệ hệ thống cấp nước.</p> <p>5. Quản lý cấp nước đô thị cần phải gắn với công tác phát triển và bảo vệ nguồn nước, nhất là nguồn nước mặt trên các lưu vực sông, suối, hồ chứa và nguồn nước dưới đất tại các khu vực khô hạn, khan hiếm nguồn nước.</p> <p>6. Đổi mới công tác quản lý cấp nước tại các đô thị tỉnh Bình Thuận trên cơ sở nghiên cứu, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả bộ máy theo hướng tinh gọn, tránh trùng lắp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.</p> <p>7. Quản lý cấp nước đô thị là trách nhiệm của các bên liên quan gồm cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền đô thị, doanh nghiệp cấp nước và có sự tham gia của cộng đồng. Cần có sự đồng thuận, thống nhất cao về nhiều mặt trong quan điểm chỉ đạo, quản lý và phối hợp thực hiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước tại các đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>8. Giá nước sạch tại các đô thị tỉnh Bình Thuận cần được xây dựng trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ bao gồm các chi phí đầu tư, nguyên liệu đầu vào và các loại phí (tài nguyên nước, xử lý chất thải trong nhà máy nước...) đảm bảo lợi nhuận cho doanh nghiệp để thực hiện tái đầu tư và khấu hao tài sản nhằm giảm sự hỗ trợ của Nhà nước và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn cơ chế bao cấp, áp dụng cơ chế thị trường trong lĩnh vực cấp nước.</p> <p><i>b) 05 mục tiêu:</i></p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>1. Đảm bảo an toàn nguồn nước (trữ lượng và chất lượng) cung cấp cho các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Áp dụng mô hình quản lý cung cấp nước sạch cho các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu theo hướng quy hoạch cấp nước đô thị vùng tỉnh đến năm 2025.</p> <p>3. Huy động nguồn vốn đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế để đảm bảo tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch tại các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu đến năm 2025 đạt 100%.</p> <p>4. Xây dựng cơ chế phối hợp quản lý cung cấp nước sạch cho các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu trên cơ sở Ban chỉ đạo cấp nước an toàn của tỉnh và Ban cấp nước an toàn của công ty cấp nước vùng tỉnh.</p> <p>5. Huy động sự tham gia của các bên liên quan và phối hợp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý cung cấp nước sạch cho các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p><i>Ba là</i>, đề xuất phương án cân bằng nước cho các đô thị tỉnh Bình Thuận đến năm 2025 phân bổ theo các vùng địa hình có tính đến biến đổi khí hậu. <i>Bốn là</i>, đề xuất mô hình quản lý cấp nước các đô thị tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu theo hướng hợp nhất 04 mô hình quản lý cấp nước hiện nay.</p> <p><i>Năm là</i>, kiến nghị sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý cấp nước đô thị tỉnh Bình Thuận (Nhà nước, doanh nghiệp, tư nhân, cộng đồng).</p>
6	Tiến sĩ	Quản lý mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu	Hồ Văn Đáng	PGS.TS. Vũ Thị Vinh TS. Nguyễn Thanh Nghị	<p><i>Một là</i>, Xác định các yếu tố tác động của biến đổi khí hậu đến mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long, gồm có 4 yếu tố tác động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố điều kiện địa hình-tự nhiên. - Yếu tố kinh tế-xã hội - Yếu tố biến đổi khí hậu của vùng - Sự kết hợp giữa các bên liên quan

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Long thích ứng với biến đổi khí hậu.			<p><i>Hai là</i>, Xây dựng các tiêu chí quản lý mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, gồm có 5 tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tiêu chí 1</i>. Có chiến lược quy hoạch giao thông trong dài hạn thích ứng với biến đổi khí hậu. - <i>Tiêu chí 2</i>. Phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên và đặc điểm biến đổi khí hậu của vùng - <i>Tiêu chí 3</i>. Phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương. - <i>Tiêu chí 4</i>. Phù hợp với đặc điểm và khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng đô thị - <i>Tiêu chí 5</i>. Phù hợp với cơ chế và trách nhiệm của các bên liên quan. <p><i>Ba là</i>, Đề xuất sơ đồ phân vùng theo khu vực đô thị để đưa ra các giải pháp quản lý mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>Từ điều kiện tự nhiên, hiện trạng mạng lưới đường, tác động của biến đổi khí hậu lên 2 đô thị, đề xuất giải pháp phân vùng thành 3 khu vực để có những giải pháp quản lý mạng lưới đường thích ứng biến đổi khí hậu gồm các khu vực cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Khu vực 1: Khu vực gần biển và khu vực sát biển -Khu vực 2: Khu vực trung tâm đô thị (khu đô thị cũ) -Khu vực 3: Khu vực ngoại vi và giáp biên (khu vực xa biển) <p><i>Bốn là</i>, Đề xuất giải pháp tổ chức bộ máy quản lý mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu gồm:</p> <p>Phân cấp quản lý mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam thích ứng với biến đổi khí hậu để phân nhiệm rõ ràng trong công tác quản lý mạng lưới đường, với chức năng cụ thể của từng đơn vị nhằm phối hợp và quản lý tốt mạng lưới đường đô thị</p> <p>Hoàn thiện chức năng và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<i>Năm là</i> , Đề xuất bổ sung quy định về cơ chế chính sách trong công tác quản lý mạng lưới đường đô thị các đô thị tỉnh lỵ ven biển Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đó là: Bổ sung chính sách ưu tiên phát triển hệ thống giao thông công cộng và bổ sung thêm Chính sách thu hút vốn đầu tư.
7	Tiến sĩ	Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh	Đào Công Hùng	PGS.TS. Lương Tú Quyên TS. Nguyễn Thị Lan Phương	<p>- <i>Một là</i>: Luận án nhận diện được các vấn đề về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan ở thành phố Bắc Giang; trên cơ sở đó đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan theo hướng Đô thị xanh; đồng thời cũng đã làm rõ khái niệm về Đô thị xanh và hướng tới Đô thị xanh.</p> <p>- <i>Hai là</i>: Để xây dựng thành phố Bắc Giang hướng tới đô thị xanh đến năm 2035, luận án tập trung vào 3 nhóm tiêu chí gồm 16 chỉ số chính như sau: (1) <i>Tiêu chí xanh hóa cảnh quan</i>: Quy mô không gian xanh hợp lý; đánh giá việc đầu tư phát triển hệ thống không gian xanh theo quy hoạch được duyệt; khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống không gian xanh.</p> <p>(2) <i>Tiêu chí nâng cao chất lượng không gian, kiến trúc, cảnh quan</i>: Bảo tồn phát huy các giá trị về KG KT CQ và bảo vệ giữ gìn các công trình kiến trúc có giá trị; trật tự xây dựng đô thị; phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh chủ yếu như (công trình công cộng và các khu đô thị mới); kiểm soát quá trình hình thành và phát triển diện mạo, cải thiện hình ảnh đô thị.</p> <p>(3) <i>Tiêu chí bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu</i>: Tổ chức phân loại, thu gom các chất thải tại nguồn; Vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu xử lý tập trung của thành phố và xử lý đạt tiêu chuẩn 3R; nhà máy sản xuất phải sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo khí thải, khói bụi không gây ô nhiễm môi trường; tổ chức di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán về nghĩa trang tập trung của thành phố; đường phố thường xuyên phải hút bụi, quét, rửa dọn vệ sinh làm sạch thành phố; tiếp nhận và áp dụng công nghệ tuần hoàn nước mưa, nước thải; lựa chọn kịch bản biến đổi khí hậu; giảm thiểu các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu; thích ứng với quá trình biến đổi khí hậu.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>Việc đề xuất bộ tiêu chí để đánh giá mức độ hiệu quả quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh, góp phần hỗ trợ các chỉ tiêu quy hoạch, tăng không gian xanh; bảo tồn phát huy các công trình di tích, kiến trúc có giá trị; phát triển công trình xanh, kiến trúc xanh, cải thiện hình ảnh đô thị và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu. Các tiêu chí do luận án đề xuất ngoài việc áp dụng cho thành phố Bắc Giang thì có thể áp dụng đối với các đô thị có tính chất tương đồng.</p> <p>- <i>Ba là:</i> Đề xuất 05 nhóm giải pháp thiết thực, hiệu quả và cụ thể, có khả năng đáp ứng tốt nhất các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu về quản lý, không gian, kiến trúc, cảnh quan TP Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh như:</p> <p>(1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý và các công cụ để quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh; (2) Phân vùng quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh; (3) Triển khai các hoạt động quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh; (4) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh; (5) Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh. Việc đề xuất các nhóm giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Bắc Giang hướng tới Đô thị xanh là nội dung quan trọng trong công tác quản lý, là cơ sở để các cấp chính quyền, tổ chức, cá nhân căn cứ để triển khai thực hiện.</p>
8	Tiến sĩ	Tổ chức không gian kiến trúc Chợ đầu mối nông sản thực phẩm	Trần Nhật Khôi	GS.TS. Nguyễn Quốc Thông	<p>Các đóng góp mới của Luận án có giá trị khoa học và thực tiễn gồm: - Giá trị lý thuyết: Kết quả nghiên cứu về mặt lý thuyết có giá trị bổ sung kiến thức mới có tính chất nguyên lý về thiết kế kiến trúc thể loại công trình CDM NSTP, theo hướng văn minh, hiện đại.</p> <p>- Giá trị thực tiễn: Đề xuất các nguyên tắc và giải pháp tổ chức không gian kiến trúc CDM NSTP Hà Nội có giá trị tham khảo cho kiến trúc sư trong công</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		phù hợp với đô thị Hà Nội			<p>tác tư vấn, thiết kế kiến trúc CDM NSTP ở các địa phương khác trong cả nước. Cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luận án đã tổng kết quá trình phát triển của Kiến trúc CDM NSTP của Hà Nội cũng như trên thế giới, theo phân kỳ thời gian. Dựa trên việc xác định 6 tiêu chí, luận án đã lựa chọn 8 CDM NSTP của Hà Nội để tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng và xác định các vấn đề còn tồn tại của Kiến trúc CDM NSTP Hà Nội, qua đó cho thấy: <ul style="list-style-type: none"> - CDM NSTP xuất hiện và phát triển, song fbhành với đô thị, chịu tác động trực tiếp từ các nguồn lực kinh tế của đô thị với vai trò là một yếu tố tạo thị. Như vậy có thể khẳng định: CDM NSTP luôn là một thể loại công trình không thể thiếu trong đô thị hiện đại; - CDM NSTP là một thể loại chợ bán buôn có các yếu tố riêng biệt đặc thù so với chợ thông thường, mới được đưa vào hệ thống quản lý, hoạt động có tính mạng lưới liên quan mật thiết tới sự phát triển của đô thị Hà Nội, đồng thời là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của đô thị (yếu tố tạo thị); - Sự khác biệt giữa CDM NSTP với chợ bán lẻ thông thường được xem xét trên 3 khía cạnh quy hoạch, kiến trúc công trình và quản lý vận hành. Trong đó nổi bật vấn đề là kiến trúc hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ chuỗi hoạt động chính của CDM NSTP là: “Hạ hàng => chọn hàng/đầu giá/trả giá => mua buôn => phân loại/đóng gói/nhãn mác => phân phối/bán buôn => chất hàng”, mà thường bị lệch về phía phân phối/bán lẻ như đối với chợ thông thường. 2. Luận án đã tập hợp các cơ sở khoa học về tổ chức không gian kiến trúc CDM NSTP, bao gồm các vấn đề: Lý thuyết, cơ sở thiết kế, và các yếu tố ảnh hưởng đến kiến trúc CDM NSTP của Hà Nội. 3. Luận án dựa trên 5 Quan điểm, đã xây dựng 7 nguyên tắc TCKG kiến trúc CDM NSTP Hà Nội; gồm: 1)Lựa chọn địa điểm, 2)Xác định quy mô, 3)Cơ cấu không gian chức năng trong công trình, 4)Tổ chức Không gian Kiến trúc công trình, 5)Cấu trúc – kết cấu, 6)Các vấn đề kỹ thuật khác, và 7)Về quản lý sử

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>dụng. Các nguyên tắc này đáp ứng các yêu cầu quy hoạch Mạng lưới, TCKG Kiến trúc công trình và Quản lý sử dụng công trình CDM NSTP.</p> <p>Với sự chú trọng vào TCKG Kiến trúc công trình CDM NSTP, các nguyên tắc đã xác định 10 loại không gian chức năng đặc thù của CDM NSTP. Trên cơ sở đó làm rõ sơ đồ TCKG Kiến trúc; đề ra cách tính toán quy mô đất, quy mô công trình, tỷ lệ diện tích các nhóm không gian chức năng cũng như các nguyên tắc về cấu trúc, kết cấu và kỹ thuật liên quan tương ứng với các nhóm không gian chức năng.</p> <p>4. Luận án đã tiến hành phân loại và xác định Mạng lưới CDM NSTP Hà Nội. Về phân loại, tương ứng với vị trí của CDM NSTP trong quan hệ với đô thị, chia thành 3 loại: ở trong đô thị, ở biên đô thị và ở ngoài đô thị; mỗi loại được xem xét với các ưu/nhược điểm của riêng mình và mối liên hệ với cơ cấu 10 nhóm không gian chức năng. Theo đó, việc phân cấp CDM theo kích thước đô thị được tiến hành, làm cơ sở để đề xuất phương án xác định Mạng lưới CDM NSTP phù hợp với phát triển đô thị Hà Nội.</p> <p>5. Từ việc xác định rõ chuỗi hoạt động chính cùng các Nguyên tắc đã được xây dựng, luận án đề xuất các giải pháp TCKG kiến trúc CDM NSTP theo tuân tự cho các cấp độ không gian 1) Gian hàng cơ bản, 2) Nhà chợ chính và 3) Tổng thể CDM NSTP. Giải pháp TCKGKT Gian hàng cơ bản được đề xuất gồm 3 kiểu G1, G2, và G3; cho Nhà chợ chính gồm 3 kiểu N1, N2, và N3; cho Tổng thể gồm 2 kiểu T1 và T2. Các giải pháp đề xuất này tương ứng với tình huống hoạt động và vận hành của chuỗi hoạt động chính, đảm bảo tuân theo các Nguyên tắc đã được xây dựng. Theo đó, Giải pháp định hướng không gian Dự trữ phát triển cũng được đề xuất cho các tình huống phát triển theo chiều ngang/sâu/kết hợp, đảm bảo phù hợp với đặc thù của CDM NSTP.</p> <p>6. Các giải pháp quản lý CDM NSTP cũng được đề xuất ở 3 khía cạnh: Quy hoạch đô thị, Thiết kế kiến trúc công trình và Vận hành; hướng tới việc bổ sung quy chuẩn/tiêu chuẩn thiết kế đối với thể loại công trình CDM NSTP cho phù</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					hợp với thực tiễn, bổ sung các bước xây dựng/dự báo quy mô trong Quy hoạch, quản lý kiến trúc trong/ngoài công trình khi vận hành./.
9	Tiến sĩ	Sự hòa nhập của kiến trúc thuộc địa Pháp với các thuộc tính đô thị Huế	Dur Tôn Hoàng Long	PGS.TS. Khuất Tân Hưng TS. Ngô Doãn Đức	<p>1. Kiến trúc thuộc địa Pháp tại Huế lần đầu tiên được thống kê, phân loại đầy đủ về số lượng, vị trí, đặc điểm, phong cách kiến trúc. Nghiên cứu kiến trúc thuộc địa Pháp tại Việt Nam luôn là một đề tài thú vị nghiên cứu giá trị kiến trúc đô thị của một thời kỳ lịch sử. Đã có nhiều nghiên cứu sâu sắc tại một số đô thị như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Lạt, tuy nhiên tại Huế chưa có các nghiên cứu sâu sắc, toàn diện trong lĩnh vực này. Luận án đã làm rõ đối tượng kiến trúc thuộc địa Pháp tại Huế là các công trình do người Pháp đầu tư xây dựng, để tránh nhầm lẫn với các công trình của người Việt xây dựng theo phong cách Pháp trong giai đoạn thuộc địa Luận án đã có những khảo sát hiện trạng, thu thập thông tin từ tài liệu lịch sử và ý kiến chuyên gia để xây dựng danh mục công trình kiến trúc thuộc địa Pháp tại Huế đầy đủ, khoa học, đáng tin cậy.</p> <p>2. Đề tài phát hiện, làm rõ những đặc trưng, khác biệt của kiến trúc thuộc địa Pháp tại Huế trên cơ sở xem xét các yếu tố tác động, bối cảnh lịch sử và so sánh với các đô thị Việt Nam khác cùng chịu ảnh hưởng của người Pháp trong thời kỳ thuộc địa. Huế là kinh đô của triều Nguyễn trong giai đoạn thuộc địa, tập trung các tinh hoa của kiến trúc Việt, do đó, sự “va chạm” và tiếp xúc giữa 2 nền kiến trúc đã làm kiến trúc thuộc địa Pháp tại Huế có những sự khác biệt so với các đô thị khác. Với bối cảnh lịch sử như vậy, người Pháp đã có những cách thức ứng xử riêng với Huế. Luận án đã so sánh các đặc điểm đô thị thuộc địa của Huế với các đô thị lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng về cách thức thiết lập địa điểm, hình thái đô thị, cảnh quan, phong cách kiến trúc chủ yếu và biểu hiện hòa nhập, từ đó làm nổi bật những nét riêng biệt của kiến trúc thuộc địa Pháp tại Huế.</p> <p>3. Đề tài đề xuất phương pháp đánh giá sự hòa nhập của kiến trúc thuộc địa Pháp với các thuộc tính đô thị Huế theo các tiêu chí cụ thể được lượng hóa. Đây là phương pháp đánh giá giá trị được thiết lập phù hợp với đặc điểm kiến trúc thuộc</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>địa Pháp tại Huế, theo quan điểm bảo tồn di sản đô thị, không phải là bảo tồn đơn lẻ từng công trình.</p> <p>Trên cơ sở tham khảo một số phương pháp nghiên cứu nổi tiếng thế giới, Nghiên cứu sinh đã xây dựng phương pháp đánh giá sự hòa nhập dựa trên các nhóm tiêu chí về hình thái đô thị, cảnh quan, khí hậu và văn hóa. Các nhóm tiêu chí bao gồm các tiêu chí thành phần với các trọng số điểm khác nhau tùy theo mức độ ảnh hưởng của từng tiêu chí. Các trọng số này được lập luận phân tích chặt chẽ, dựa trên các cơ sở lý thuyết và thực tiễn khoa học.</p> <p>Kết quả của việc áp dụng phương pháp nghiên cứu là sự phân nhóm mức độ hòa nhập của các công trình kiến trúc thuộc địa Pháp theo mức độ đặc biệt, cao, trung bình và kém hòa nhập.</p> <p>4. Đề tài chứng minh những ảnh hưởng của kiến trúc thuộc địa Pháp đối với kiến trúc truyền thống Huế trong quá trình hòa nhập, trên cơ sở so sánh sự biến đổi của từng thể loại kiến trúc truyền thống trước và trong giai đoạn thuộc địa.</p> <p>Ảnh hưởng của kiến trúc thuộc địa Pháp với kiến trúc truyền thống Huế bao gồm Quy hoạch Kinh thành, kiến trúc Cung đình và kiến trúc nhà ở phố thị. Những dấu ấn Pháp cũng như phương Tây trong quy hoạch Kinh thành thể hiện ở cấu trúc thành phòng thủ quân sự kiểu Vauban, yếu tố kiến trúc như Kỳ Đài, yếu tố cảnh quan như sông Ngự Hà chảy giữa lòng đô thị, các yếu tố này hòa nhập với bối cảnh của một đô thành phương Đông truyền thống tạo nên diện mạo Kinh thành Huế. Luận án đã đi sâu phân tích sự khác nhau của các nhóm công trình thuộc thể loại Cung đình hoặc nhà ở phố thị trước và sau sự xuất hiện của người Pháp tại bờ Nam sông Hương, từ đó có thể khẳng định bản sắc kiến trúc Huế định hình từ quá trình hòa nhập của kiến trúc thuộc địa Pháp vào đô thị Huế.</p>
10	Tiến sĩ	Quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền	Tô Ngọc Liên	GS.TS. Đỗ Hậu	<p>- Một là: Trên cơ sở luận án nhân diện được các thôn bản truyền thống có giá trị về kiến trúc cảnh quan, trong đó xem xét đánh giá một cách tổng thể các thành phần (yếu tố) tạo cảnh quan (các vật thể kiến trúc, địa hình, cây xanh, mặt nước v.v.) và đánh giá theo các phương diện giá trị như: Tuổi thọ thôn bản; hình thái</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		<p>thống phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Lào Cai.</p>			<p>xây dựng thôn bản cổ; có nhiều di sản, di tích, công trình cổ vẫn được lưu giữ được đặc trưng truyền thống bản sắc dân tộc trên tổng số các vật thể kiến trúc của thôn bản; di sản nhân tạo; di sản thiên nhiên .v.v. Do vậy, luận án đã đề xuất xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá giá trị kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống phục vụ phân loại, xếp hạng di tích thắng cảnh. Để tiến hành đánh giá và xếp loại cần phải xây dựng các tiêu chí đánh giá giá trị di sản kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống.</p> <p><i>Hai là:</i> Đề xuất bổ sung, hoàn thiện 6 Giải pháp quản lý chủ đạo kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống ở Lào Cai phục vụ phát triển du lịch và 3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống ở tỉnh Lào Cai, cụ thể:</p> <p>- <i>Đề xuất 6 giải pháp quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản:</i> Phân loại và xây dựng Bộ tiêu chí về giá trị kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống. Hoàn thiện quy hoạch xây dựng và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống. Hoàn thiện quy trình quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, xây dựng cơ chế chính sách đặc thù. Tổ chức bộ máy quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống. Khai thác sự tham gia của cộng đồng trong quá trình quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống.</p> <p>- <i>Đề xuất 3 mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản:</i> Mô hình tổ chức Ban quản lý Di tích cảnh quan và Du lịch thôn bản truyền thống ở tỉnh Lào Cai (<i>Mô hình cộng đồng tự quản</i>). Mô hình tổ chức Ban quản lý Di tích cảnh quan và Du lịch thôn bản truyền thống ở tỉnh Lào Cai (<i>Mô hình đơn vị sự nghiệp</i>). Mô hình tổ chức Công ty (hoặc Doanh nghiệp) quản lý di tích cảnh quan và Du lịch thôn bản truyền thống ở tỉnh Lào Cai (<i>Mô hình Doanh nghiệp quản lý</i>).</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p><i>Ba là:</i> Đề xuất một số giải pháp áp dụng vào quản lý kiến trúc cảnh quan tại thôn Lao Chải, xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, cụ thể:</p> <p>(1) Giải pháp tổ chức lập, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch chi tiết xây dựng thôn Lao Chải.</p> <p>(2) Giải pháp lồng ghép và phối hợp đồng bộ, hợp lý các hoạt động quản lý ngành, lĩnh vực và các chủ thể tham gia quản lý kiến trúc cảnh quan thôn Lao Chải phục vụ phát triển du lịch.</p> <p>(3) Giải pháp tăng cường năng lực của bộ máy quản lý kiến trúc cảnh quan cho thôn Lao Chải.</p> <p>(4) Giải pháp tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư thôn Lao Chải.</p> <p>(5) Giải pháp tăng cường khai thác sự tham gia của cộng đồng thôn.</p> <p>Việc đề xuất các nhóm giải pháp và mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan thôn bản truyền thống phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Lào Cai, trong đó có lấy thôn Lao Chải, xã Y Tý, huyện Bát Xát để áp dụng nghiên cứu là nội dung quan trọng trong công tác quản lý, là cơ sở để các cấp chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp, các nhân và cộng đồng dân cư căn cứ để triển khai thực hiện./.</p>
11	Tiến sĩ	Phân tích dẻo kết cấu khung cột thép dầm liên hợp chịu tải trọng tĩnh	Hoàng Hiếu Nghĩa	PGS.TS. Vũ Quốc Anh TS. Nghiêm Mạnh Hiến	<p>1. Xây dựng quan hệ mô men - độ cong của tiết diện dầm thép, dầm liên hợp để xác định độ cứng tiếp tuyến tại vị trí các tiết diện của các cấu kiện này khi vật liệu làm việc trong giai đoạn đàn hồi, đàn dẻo và dẻo. Lập được chương trình SPH để thiết lập đường quan hệ này.</p> <p>2. Xây dựng phương trình mặt giới hạn đàn hồi, phương trình mặt chảy dẻo trung gian, phương trình mặt chảy dẻo hoàn toàn của tiết diện cột thép chữ I chịu nén uốn hai phương theo phương pháp giải tích và xây dựng chương trình máy tính để thể hiện mặt chảy dẻo đó. Các mặt chảy dẻo phụ thuộc vào hình dạng của tiết diện và phụ thuộc vào góc xoay dẻo của tiết diện khi chảy dẻo, do đó thể hiện được sự chảy dẻo lan truyền của tiết diện cột thép trong quá trình phân tích kết cấu. Đồng thời dựa vào mặt chảy dẻo (mặt biểu đồ tương tác cho sức kháng uốn theo hai phương) đã xây dựng có thể kiểm tra khả năng chịu lực của tiết diện cột, xem xét tiết diện cột vẫn còn ở trạng thái làm việc đàn hồi, đang chảy dẻo</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>hay đã bị phá hoại. Điều đó có ý nghĩa thực tế nhằm đánh giá được khả năng chịu lực của tiết diện cột ứng với tải trọng thiết kế nào đó.</p> <p>3. Xây dựng một phương pháp PTHH và chương trình ứng dụng để phân tích phi tuyến hệ kết cấu khung cột thép dầm liên hợp xét đến sự làm việc dẻo của vật liệu và sự chảy dẻo lan truyền của hệ kết cấu. Phương pháp có độ tin cậy và cho kết quả chính xác so với sự làm việc thực tế của kết cấu, làm giảm đáng kể kích thước của bài toán phân tích kết cấu, tăng nhanh tốc độ tính toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phần tử thanh đa điểm dẻo để mô tả sự hình thành khớp dẻo, sự lan truyền vùng biến dạng dẻo trên chiều dài phần tử. - Xây dựng phương trình độ cứng thay đổi dọc theo chiều dài phần tử có dạng phương trình bậc 3 và xây dựng ma trận độ cứng tiếp tuyến của phần tử thanh đa điểm dẻo khi xét đến sự chảy dẻo của tiết diện bên trong phần tử. - Xây dựng véc tơ tải cho phần tử thanh đa điểm dẻo (tải tập trung và tải phân bố). - Xác định nội lực, chuyển vị của hệ kết cấu ứng với mỗi cấp tải trọng tác dụng, tính tải trọng giới hạn λ_p của hệ kết cấu, tỷ lệ chảy dẻo của tiết diện, thứ tự hình thành khớp dẻo và ứng xử dẻo lan truyền của toàn hệ kết cấu đối với khung phẳng khi chịu tải trọng tĩnh và đánh giá được lượng an toàn dự trữ về khả năng chịu lực của cấu kiện thông qua tỷ lệ chảy dẻo của tiết diện so với số liệu thiết kế. - Ứng dụng để phân tích dẻo một số bài toán cho kết quả và được so sánh với kết quả thí nghiệm, kết quả phân tích số của các nghiên cứu khác để đánh giá độ chính xác của lý thuyết đề xuất trong luận án. Kết quả so sánh cho thấy phương pháp đề xuất có độ chính xác và tin cậy cao.
12	Tiến sĩ	Quản lý kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng khu nội	Nguyễn Liên Hương	GS.TS. Nguyễn Tô Lãng	<p>1. Luận án đề xuất bộ tiêu chí quản lý kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng khu nội đô lịch sử thành phố Hà Nội gồm 7 nhóm tiêu chí: 1) Bộ cục tổng thể; 2) Kiến trúc không gian công cộng; 3) Cảnh quan không gian công cộng; 4) Sử dụng đất; 5) Khu vực cần bảo tồn; 6)</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		đô lịch sử thành phố Hà Nội			<p>Hạ tầng kỹ thuật & Tiện ích đô thị; 7) Hoạt động & phương tiện giao thông. 2. Nhận diện giá trị kiến trúc, cảnh quan của không gian công cộng khu nội đô lịch sử gồm giá trị về: Cấp độ không gian công cộng; Vị trí không gian công cộng; Chất lượng kiến trúc, cảnh quan; Sức hút người sử dụng và Xếp hạng kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng khu nội đô lịch sử theo các tiêu chí đã nhận diện đề quản lý.</p> <p>3. Đề xuất phân vùng kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng khu nội đô lịch sử Hà Nội thành 13 phân vùng dựa trên đặc điểm lịch sử hình thành, cấu trúc đô thị, kiến trúc cảnh quan và Xác định yêu cầu quản lý kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng cho từng phân vùng khu nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.</p> <p>4. Đề xuất các giải pháp quản lý kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng khu nội đô lịch sử thành phố Hà Nội: 1) Giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, công cụ, cơ sở dữ liệu; 2) Các giải pháp cụ thể gồm: Quản lý bảo vệ kiến trúc, cảnh quan không gian công cộng có giá trị; Quản lý cải tạo, chỉnh trang; Quản lý xây dựng mới; Quản lý khai thác, sử dụng; 3) Giải pháp tổ chức bộ máy và trách nhiệm quản lý nhà nước; 4) Giải pháp có sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>5. Áp dụng các giải pháp đề xuất vào quản lý kiến trúc, cảnh quan vườn hoa Vạn Xuân – phường Quán Thánh – Quận Ba Đình – Hà Nội khẳng định tính thực tiễn, khả thi và khả năng nhân rộng của các giải pháp.</p>
13	Tiến sĩ	Đặc điểm và sự biến đổi cấu trúc không gian Khu phố cũ Hà Nội.	Vũ Hoài Đức	PGS.TS. Nguyễn Hồng Thục PGS.TS. Khuất Tân Hưng	<p>1. Đánh giá sự biến đổi CTKG KPC Hà Nội trên cơ sở phân tích các tác động kinh tế, văn hóa, xã hội từ năm 1875 đến nay. Đó là: (1) Sự biến đổi CTKG từ đô thị truyền thống sang đô thị hiện đại. Từ việc hình thành trục và điểm đô thị mới phía Đông TP; đến hình thành các trung tâm mới, thay thế thành cổ; đô thị hóa hoàn thiện khu phố dựa trên việc vận dụng mô hình CTKG đô thị phương Tây vào Hà Nội. (2) Sự biến đổi về vị trí và tính chất các không gian chủ đạo: Từ phố phường ngoại thị sang trục chủ đạo gắn với các tổ hợp cụm đô thị; Từ "Tổ hợp cụm dạng truyền thống" sang "Khu phố - mạng lưới ô cờ" ở hai nửa Đông - Tây thành phố; phát triển "Khu phố - tự nhiên" - phía Bắc Ba Đình, và kéo dài "Khu phố - mạng lưới</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>ô cò" về phía Nam; Xuất hiện các CTCC là chủ thể không gian thay thế cho Thành cổ; Xu hướng phá vỡ CTKG đô thị lịch sử sau năm 1986. (3) Sự tham gia và biến đổi các cấu trúc truyền thống vào không gian KPC Hà Nội ở Hồ Gươm, Thành cổ Hà Nội và các làng xóm cũ. (4) Sự biến đổi về chức năng của 4 địa điểm đặc trưng thể hiện sự chùng lóp – đan xen và tiếp nối.</p> <p>2. Nhận diện được 04 đặc điểm cấu trúc không gian Khu phố Cổ Hà Nội, làm sâu sắc thêm các giá trị của khu phố trong lịch sử qua các thủ pháp thiết kế đô thị. Đó là: (1) Đặc điểm và giá trị của cấu trúc không gian Khu phố Cổ Hà Nội – hình ảnh thành phố vườn với ô cò và các điểm mốc dựa trên điều kiện bản địa, xen cài cấu trúc truyền thống. (2) Khu phố với 06 khu vực có hình thái khác nhau mà giao thoa hài hòa hợp lý. (3) Các tổ hợp không gian chủ đạo gồm các hệ trục và các dạng điểm nhân kiểu tổ hợp tại các nút – quảng trường. (4) Đặc điểm của cấu trúc không gian cảnh quan với vành khăn sông - nước bao quanh và liên kết với khu phố dạng vườn đô thị. 3. Đề xuất được các quan điểm, định hướng bảo tồn và phát huy giá trị Khu phố Cổ Hà Nội đến năm 2030. Bao gồm: (1) Định hướng thiết kế đô thị tổng thể Khu phố Cổ Hà Nội bằng việc phân 06 khu vực kiến trúc cảnh quan để bảo vệ cấu trúc không gian, các tổ hợp không gian chủ đạo với các công trình công cộng di sản. (2) Định hướng thiết kế đô thị 03 khu vực đặc trưng tiêu biểu trong Khu phố Cổ Hà Nội: xung quanh Hồ Gươm, Hoàng thành Thăng Long và trung tâm chính trị Ba Đình. (3) Giải pháp về quản lý phát huy giá trị./.</p>
14	Tiến sĩ	Quản lý rủi ro cho các dự án đầu tư phát triển đô thị tại Hà Nội.	Nguyễn Thị Thúy	PGS.TS. Đinh Tuấn Hải	<p>1. Nhận diện được 73 rủi ro cho các dự án giao thông đường bộ đô thị tại Hà Nội, trong đó: Rủi ro có tác động rõ ràng là 53 rủi ro, rủi ro có tác động không rõ ràng hoặc không có tác động là 20 rủi ro.</p> <p>2. Kết quả phân tích, đánh giá các rủi ro có tác động tới dự án giao thông đường bộ đô thị tại Hà Nội cho thấy: (1) Các rủi ro có mức nguy hiểm cao chiếm 24,53%; (2) Các rủi ro có mức nguy hiểm trung bình chiếm 66,04%; (3) Các rủi ro có mức độ nguy hiểm thấp chiếm 9,43%.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>3. Định hướng được giải pháp quản lý rủi ro cho các dự án giao thông đường bộ đô thị tại Hà Nội theo quan điểm quản lý rủi ro của 3 nhóm chủ thể chính (Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án, Đơn vị tư vấn, Nhà thầu chính/Nhà thầu phụ).</p> <p>4. Đề xuất hai giải pháp chung về quản lý rủi ro cho dự án giao thông đường bộ đô thị tại Hà Nội: (1) Xây dựng kế hoạch công việc dự đoán rủi ro; (2) Áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý rủi ro.</p> <p>5. Đề xuất mười hai giải pháp quản lý để ứng phó với các rủi ro có mức nguy hiểm cao cho các dự án giao thông đô thị tại Hà Nội: (1) Giải pháp về nhân lực của Nhà thầu; (2) Giải pháp nâng cao năng lực của Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án; (3) Giải pháp về thiết kế; (4) Giải pháp về quá trình thi công; (5) Giải pháp về thanh toán; (6) Giải pháp về mặt bằng thi công; (7) Giải pháp về điều phối quản lý tiến độ; (8) Giải pháp về an toàn lao động; (9) Giải pháp ứng phó sự thay đổi của chính sách pháp luật; (10) Giải pháp về thủ tục hành chính; (11) Giải pháp ứng phó biến động giá cả, thị trường; (12) Giải pháp về cộng đồng dân cư.</p>